

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/DSST
Ngày : 30-9-2022
V/v “*Tranh chấp Hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ký và ông Nguyễn Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nay Y Sura, là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2022/TLST-DS ngày 27/7/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐXXST-DS ngày 29/8/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-DS ngày 19/9/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đinh K D, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ 4, M, L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Do ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1969. Trú tại khu phố S, thị trấn C, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên làm đại diện theo ủy quyền. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Sô Minh K, sinh năm 1966, bà Lê Mo N, sinh năm 1972. Địa chỉ thôn F, xã J, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên. Ông K, bà N đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H trình bày: Yêu cầu vợ chồng ông Sô Minh K, bà Lê Mo N phải trả cho bà Đinh K D số tiền 210.000.000 đồng còn nợ bà D, nếu ông K nói trả rồi thì ông phải đưa giấy tờ chứng minh cho Tòa án xem xét giải quyết. Số tiền này yêu cầu vợ chồng ông K, bà N trả 01 lần và không yêu cầu tính lãi.

Về chứng cứ chứng minh chúng tôi đã giao nộp 01 (một) giấy mượn tiền ghi ngày 02/7/2020 (bản gốc), 01 Giấy Cầm đất ghi ngày 02/11/2021 (bản gốc) và 01 giấy hẹn nợ số tiền 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng chẵn) hẹn đến ngày 15/7/2022 sẽ trả đủ số tiền trên. Ông Sô Minh K thừa nhận là chữ viết của vợ chồng ông viết.

Tài liệu có tại hồ sơ bị đơn vợ chồng ông Sô Minh K, bà Lê Mo N trình bày:

Tôi (Sô Minh K) thống nhất vợ chồng tôi có mượn cô Đinh K D số tiền trên, nhưng đến nay vợ chồng tôi đã trả gần hết số tiền này. Việc cô Đinh K D yêu cầu vợ chồng tôi phải trả 210.000.000 đồng là chúng tôi không thống nhất. Vợ chồng tôi đã có nhiều lần trả dần số tiền trên cho cô D đến nay đã gần hết, mỗi lần trả đều có giấy tờ chứng minh tôi cam kết đến ngày 08/8/2022 sẽ cung cấp toàn bộ giấy tờ liên quan đến việc trả tiền cho cô D, nếu không cung cấp được tôi xin chịu trách nhiệm và cam kết trả số tiền trên.

Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp, ông Sô Minh K thừa nhận là chữ viết của vợ chồng ông viết.

Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Xuân H yêu cầu vợ chồng ông Sô Minh K, bà Lê Mo N phải trả cho bà Đinh K D số tiền 210.000.000 đồng còn nợ bà D, nếu ông K nói trả rồi thì ông phải đưa giấy tờ chứng minh cho Tòa án xem xét giải quyết và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn vợ chồng ông Sô Minh K, bà Lê Mo N tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền, thời hiệu giải quyết vụ án:*

- Về quan hệ tranh chấp: Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn vợ chồng ông Sô Minh K, bà Lê Mo N cư trú tại thôn F, xã J, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa theo quy định tại khoản 3 Điều

26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thời hiệu khởi kiện: Thời hiệu khởi kiện vụ án vẫn còn theo quy định tại các Điều 184 và 185 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 429 của Bộ luật Dân sự.

[2] Đối với sự vắng mặt của ông Sô Minh K, bà Lê Mo N Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng không chấp hành, ông K, bà N không có đơn từ khiếu nại coi như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] *Về nội dung tranh chấp*: Xét thấy, vào ngày 02/7/2020 vợ chồng ông Sô Minh K, bà Lê Mo N có viết giấy mượn tiền bà D số tiền 145.000.000 đồng, tiếp tục sau đó có giấy hẹn nợ 210.000.000 đồng hẹn đến ngày 15/7/2022 sẽ trả đủ số tiền trên cho bà D, giữa nguyên đơn, bị đơn có xác lập hợp đồng vay tài sản và giấy hẹn nợ, bị đơn K thừa nhận có vay 210.000.000 đồng.

[3.1] *Xét ý kiến của đại diện nguyên đơn*: Quá trình thụ lý và hòa giải đại diện nguyên đơn trình bày số tiền cho vay và hẹn trả nợ là 210.000.000 đồng, hẹn đến ngày 15/7/2022 là trả dứt điểm, nhưng sau đó không trả nên làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhờ giải quyết, nếu ông K nói trả rồi thì ông phải đưa giấy tờ chứng minh cho Tòa án xem xét giải quyết trừ đi số tiền đã trả trước.

[3.2] *Xét ý kiến trình bày của bị đơn ông Sô Minh K*: Ông K thừa nhận vợ chồng ông có mượn của bà Đinh K D số tiền 210.000.000 đồng nhưng đã trả gần hết, mỗi lần trả đều có chứng cứ kèm theo. Trong quá trình hòa giải ngày 05/8/2022 thì ông K hứa hẹn vào 08/8/2022 sẽ cung cấp chứng cứ việc trả tiền cho Tòa án xem xét và vào ngày 30/8/2022 Tòa án tổng đạt quyết định xét xử cho vợ chồng ông, ông K lại cam kết ngày 31/8/2022 sẽ giao chứng cứ cho Tòa án nhưng đến ngày xét xử ông K cũng chưa cung cấp được cho Tòa án.

Ngày 19/9/2022 vợ chồng ông Sô Minh K, bà Lê Mo N đến Tòa án cung cấp cho Tòa 02 bản viết “Giấy chứng từ” rồi bỏ đi không tham dự phiên tòa, giấy chứng từ có nội dung trình bày các lần trả tiền cho ông Bùi Văn Út ở tỉnh Bình Phước và trả cho con gái bà D là Nguyễn Thị Ý Nguyên (lúc thì Nguyệt) và các chứng từ khác, các lần trả đều ghi trước ngày 15/7/2022 so với giấy hẹn nợ ngày 15/7/2022 là trả 210.000.000 đồng, đồng thời ông Sô Minh K cũng cung cấp 01 giấy mượn tiền của ông (Sô Minh K) mượn tiền của ông Nguyễn Công Út là 200.000.000 đồng. Đối

chiếu với chứng cứ bà D cung cấp và vợ chồng ông K, bà N cung cấp thì thấy việc vay mượn tiền là 2 vụ việc khác nhau. Như vậy HĐXX xét thấy việc vay mượn tiền của vợ chồng ông K với ông Bùi Văn Út là vụ vay mượn khác không liên quan đến số tiền 210.000.000 đồng mà bà D khởi kiện đòi vợ chồng ông K.

Như vậy việc khởi kiện đòi số tiền mượn và hẹn nợ trả 210.000.000 đồng của bà Đinh K D là có cơ sở. Còn việc vợ chồng ông Sô Minh K khai thừa nhận có vay và khai đã trả nhưng không có chứng cứ chứng minh cho việc mình đã trả tiền nên HĐXX không chấp nhận lời trình bày của vợ chồng ông Sô Minh K.

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, HĐXX chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc bị đơn đã vay và còn nợ là 210.000.000đ về khoản tranh chấp hợp đồng vay tài sản là có cơ sở.

[3] *Về án phí*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm, nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp dân sự có giá ngạch với số tiền án phí phải chịu là $5\% \times 210.000.000 \text{ đồng} = 10.500.000 \text{ đồng}$ (*Mười triệu năm trăm ngàn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 184, Điều 185 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 463, khoản 1, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh K D.

2. Tuyên buộc vợ chồng bị đơn ông Sô Minh K, bà Lê Mo N có nghĩa vụ trả đủ cho nguyên đơn bà Đinh K D số tiền 210.000.000 đồng (*Hai trăm mười triệu đồng*) về khoản tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí: Buộc bị đơn ông Sô Minh K bà Lê Mo N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 210.000.000 \text{ đồng} = 10.500.000 \text{ đồng}$ (*Mười triệu năm trăm ngàn đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Đinh K D 5.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002840 ngày 27/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- Viện KSND huyện Sơn Hòa;
- Chi cục THADS huyện Sơn Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Nam Trung